TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02457

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Hoá thực phẩm thuỷ sản (206504) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 11/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV319 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10117102	LÊ THỊ KIỀU	LINH	DH10CT	1		9	8	6,5	7,2	7	2
20	10117108	PHẠM THỊ NGỌC	LINH	DH10CT	1		9	8	4,8	6,0	6	0
21	10117105	PHAN THỊ	LINH	DH10CT	2		6	8	9	8,3	8	3
22	10117106	PHAN THỊ THÙY	LINH	DH10CT	1		7	6,5	4	4,9	4	9
23	10117113	HUỲNH THỊ MỸ	LY	DH10CT	1		9	7	9	8,8	8	8
24	10117114	NGUYỄN THỊ	MAI	DH10CT	1		7	7	7,8	7,6	7	6
25	09117101	PHAN THỊ	MAI	DH09CT	1		9	6	6	6,6	6	6
26	09117105	PHÚN NHỤC	MÙI	DH09CT	1		9	7	8,3	8,3	8	3
27	10117120	NGUYỄN THỊ MINH	MUỘI	DH10CT	1		6	8	5	5,5	5	5
28	10117123	NGUYỄN THỊ THÚY	NGA	DH10CT	1		9	8	6,8	7,4	7	4

Số bài: 28 ; Số tờ: 30

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2 Lê T. N. Hân

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 11 tháng 5 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02457

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

R 21/6/2012

Môn Học : Hoá thực phẩm thuỷ sản (206504) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 11/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV319 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10117056	NGƯ TRUNG	HIẾU	DH10CT	1		7	6	3	4,1	4	1
2	10117062	DƯƠNG THỊ NGỌC	HÒA	DH10CT	1		6	6,5	4	4,7	4	7
3	09117061	NGUYỄN VĂN	HÒA	DH09CT	1		5	7	6,3	6,1	6	1
4	09117066	ĐOÀN THỊ NHƯ	HOÀNG	DH09CT	1		9	6	6,5	7,0	7	0
5	09117067	NGUYỄN VŨ	HOÀNG	DH09CT	1		6	7	5,1	5,5	5	5
6	09117070	NGUYỄN THẾ	HUÂN	DH09CT	1		7	7	7	7,0	7	0
7	09117078	NGUYỄN XUÂN	HÙNG	DH09CT	1		9	7	6,4	7,0	7	0
8	10117070	ĐỖ KHẮC	HUY	DH10CT	1		8	6,5	5,5	6,1	6	1
9	10117073	NGUYỄN LÊ	HUYỀN	DH10CT	1		9	8	9	8,9	8	9
10	10117074	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	DH10CT	1		9	9	8,5	8,7	8	7
11	10117075	VŨ LỆ	HUYỀN	DH10CT	1		9	7,5	8,5	8,5	8	5
12	10117078	PHAN THỊ	HƯƠNG	DH10CT	1		/	6	2	2,0	2	0
13	10117080	THÁI THỊ	HƯỜNG	DH10CT	1		6	6,5	5,3	5,6	5	6
14	08117080	MẠC VĂN	HỮU	DH08CT	1		5	5	4,3	4,5	4	5
15	10117083	NGUYỄN THANH	KHANH	DH10CT	1		6	/	3	3,3	3	3
16	10117094	TRẦN THỊ MỘNG	LÀNH	DH10CT	1		9	8	8,4	8,5	8	5
17	09117092	LÊ THỊ NGỌC	LÊ	DH09CT	1		9	7	7,3	7,6	7	6
18	10117101	ĐỖ THỊ YẾN	LINH	DH10CT	2		8	7,5	7,5	7,6	7	6

Số bài:.....28.....; Số tờ:.....30.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Lê T. Ngọc Hân

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 11 tháng 5 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02434

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Hoá thực phẩm thuỷ sản (206504) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 11/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV315 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10117041	LƯƠNG THỊ	ĐỊNH	DH10CT	1		9	8,5	8,3	8,4	8	4
20	09117036	TRẦN THỊ	ĐỊNH	DH09CT	1		6	6,5	6,5	6,4	6	4
21	10117042	MAI NGỌC	ĐỨC	DH10CT	1		6	6	3,2	4,0	4	0
22	09117040	PHAN TẤN	ĐỨC	DH09CT	1		8	6	2,5	4,0	4	0
23	09117038	TRẦN VĂN	ĐƯỢC	DH09CT	1		7	6,5	4,3	5,1	5	1
24	10117045	NGUYỄN THỊ THẢO	EM	DH10CT	1		8	9	9,5	9,2	9	2
25	10117046	DƯƠNG THỊ THU	HÀ	DH10CT	1		6	7	4,0	4,9	4	9
26	10117047	NGUYỄN THỊ NHẬT	HÀ	DH10CT	1		9	8	7,5	7,9	7	9
27	09117045	TRẦN ĐẠI	HẢI	DH09CT	1		7	6,5	7,3	7,2	7	2
28	10117052	HUỲNH VĂN	HẬN	DH10CT	1		9	6	2,3	4,0	4	0
29	10117053	TRẦN THỊ THU	HIỀN	DH10CT	1		7	/	6	5,6	5	6
30	10117058	NGUYỄN TIẾN	HIỆP	DH10CT	1		9	/	2,5	3,6	3	6
31	10117055	NGUYỄN THỊ THANH	HIẾU	DH10CT	1		9	8,5	7	7,6	7	6

Số bài: 30 ; Số tờ: 31

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2 Hồ Thị Trường Thy

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02434

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

R 21/6/2012

Môn Học : Hoá thực phẩm thuỷ sản (206504) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 11/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV315 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10117001	NGUYỄN THÁI	AN	DH10CT	2		8	6	8	7,8	7	8
2	09117004	HUỲNH LÊ NGỌC TRÂM	ANH	DH09CT			9	7,5	5,5	6,4	6	4
3	10117004	NGUYỄN THỊ MỸ	ÁNH	DH10CT	1		8	7	4,5	5,5	5	5
4	09117006	DƯƠNG BÙI LINH	ÂN	DH09CT	1		6	6	4	4,6	4	6
5	09117008	NGUYỄN ĐỨC	BÌNH	DH09CT	1		/	/	2,3	1,6	1	6
6	10117007	NGUYỄN THANH	BÌNH	DH10CT	1		7	9	8	7,9	7	9
7	10117009	TRẦN THANH	BỬU	DH10CT	1		0	7	7,8	6,2	6	2
~~8~~	~~10117012~~	~~ĐẶNG THỊ LỆ~~	~~CHI~~	~~DH10CT~~		V						
9	10117013	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	DH10CT	1		9	9	7,5	8,0	8	0
10	10117014	NGUYỄN THỊ LAN	CHI	DH10CT			8	6,5	7	7,2	7	2
11	10117019	PHẠM THỊ	CÚC	DH10CT	1		8	7	6,7	7,0	7	0
12	10117024	HUỲNH CHÂU NGỌC	DIỄM	DH10CT	1		8	8	6,5	7,0	7	0
13	09117023	NGUYỄN THỊ	DIỆN	DH09CT	1		9	6	8,3	8,2	8	2
14	10117027	TRẦN THỊ	DUNG	DH10CT	1		7	6	6,5	6,6	6	6
15	09117028	LÊ PHẠM THANH	DUY	DH09CT	1		9	/	5,3	5,5	5	5
16	10117031	CAO LÊ THẢO	DUYÊN	DH10CT	1		8	6	8	7,8	7	8
17	09117029	TRỊNH THỊ	DUYÊN	DH09CT	1		9	6	5,8	6,5	6	5
18	10117038	LÊ THỊ	ĐAN	DH10CT	1		9	7,5	6,5	7,1	7	1

Số bài:...30.....; Số tờ:...31.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Hồ Thị Trường Thy

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02458

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Hoá thực phẩm thuỷ sản (206504) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 11/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV323 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	10117264	NGUYỄN LA VỸ	DH10CT	1	Vỹ	7	8	5,5	6,1	6	1

Số bài:.....55.....; Số tờ:.....55.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02458

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Hoá thực phẩm thuỷ sản (206504) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 11/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV323 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	09117186	VƯƠNG VĂN	TIẾN	DH09CT	1		8	6	3,5	4,7	4	7
38	10117215	NGUYỄN TRUNG	TÍN	DH10CT	1		7	6	3,5	4,5	4	5
39	10117216	NGUYỄN THỊ KIM	TOÀN	DH10CT	1		7	8	7,3	7,3	7	3
40	10117217	BÙI VĂN	TRAI	DH10CT	1		8	9	4,3	5,5	5	5
41	10117219	NGUYỄN THỊ	TRANG	DH10CT	1		8	7,5	9	8,7	8	7
42	10117224	TRƯƠNG VĂN	TRẮNG	DH10CT	1		7	6	7,8	7,5	7	5
43	10117237	PHAN PHƯƠNG	TRƯỜNG	DH10CT	1		8	8,5	4,5	5,6	5	6
44	10117243	NGUYỄN HỮU	TÚ	DH10CT	1		3	6	1,3	2,1	2	1
45	09117207	HOÀNG THANH	TUẤN	DH09CT	1		9	6	7	7,3	7	3
46	09117211	NGUYỄN THANH	TÙNG	DH09CT	1		7	6,5	4	4,9	4	9
47	09117209	NGUYỄN HOÀNG	TUYỀN	DH09CT	1		7	6	6	6,2	6	2
48	10117245	PHÙNG THỊ	TƯ	DH10CT	1		7	7	7	7,0	7	0
49	10117246	ĐẶNG THỊ HỒNG	TƯƠI	DH10CT	1		9	8	7,5	7,9	7	9
50	10117247	HỒ TRUNG	TÝ	DH10CT	1		8	6	5,3	5,9	5	9
51	10117250	NGUYỄN THỊ BÉ	VÂN	DH10CT	1		9	6	5,3	6,1	6	1
52	10117251	TRƯƠNG THỊ CẨM	VÂN	DH10CT	1		9	7	6,5	7,1	7	1
53	10117252	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VI	DH10CT	1		7	8	7	7,1	7	1
54	10117254	PHAN THỊ KIM	VIÊN	DH10CT	1		5	6	4,8	5,0	5	0

Số bài:.....55.....; Số tờ:.....55.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02458

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Hoá thực phẩm thuỷ sản (206504) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 11/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV323 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10117173	NGÔ HOÀNG	TÂM	DH10CT	1		/	/	9,5	0,4	0	4
20	09117155	HUỲNH VĂN	TÂN	DH09CT	1		9	6	3,8	5,1	5	1
21	10117177	NGUYỄN CHÍ	TẤN	DH10CT	1		7	7,5	2,6	4,0	4	0
22	09117158	NGUYỄN VĂN	TÂY	DH09CT	1		7	6	6,3	6,4	6	4
23	10117176	TRỊNH VĂN	TÂY	DH10CT	1		7	6,5	3,3	4,4	4	4
24	10117185	VÕ VĂN	THÁI	DH10CT	1		7	6	5	5,5	5	5
25	10117190	NGUYỄN CÔNG	THẮNG	DH10CT	1		6	6	4,3	4,8	4	8
26	10117194	NGUYỄN TRƯỜNG	THỊNH	DH10CT	1		8	6	3,5	4,7	4	7
27	10117195	NGUYỄN THỊ	THO	DH10CT	1		6	6,5	4,5	5,0	5	0
28	10117200	NGUYỄN KIỀU	THU	DH10CT	1		8	8	6,5	7,0	7	0
29	10117201	NGUYỄN THỊ	THU	DH10CT	1		9	7,5	9	8,9	8	9
30	10117206	ĐOÀN THỊ THU	THỦY	DH10CT	1		7	/	8,8	7,6	7	6
31	10117207	LÝ MINH	THỦY	DH10CT	1		7	6	9	8,3	8	3
32	10117208	NGUYỄN THỊ	THỦY	DH10CT	1		9	9	5,5	6,6	6	6
33	09117180	PHẠM MINH	THUYẾT	DH09CT	1		9	6	4	5,2	5	2
34	10117210	NGUYỄN KHẮC	TI	DH10CT	1		8	7	3	4,4	4	4
35	09117184	NGUYỄN THỊ THẢO	TIÊN	DH09CT	1		8	6	5,3	5,9	5	9
36	10117212	VÕ THỊ THÙY	TIÊN	DH10CT	1		9	8	5,5	6,5	6	5

Số bài:.....55.....; Số tờ:.....55.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02458

R 21/6/2012

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Hoá thực phẩm thuỷ sản (206504) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 11/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV323 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10117127	HUỲNH KIM	NGÂN	DH10CT	1		8	6	6	6,4	6	4
2	10117129	NGUYỄN THỊ LỆ	NGÂN	DH10CT	1		6	6,5	9,5	8,5	8	5
3	10117131	TẠ KIM	NGÂN	DH10CT	1		9	7	7,8	8,0	8	0
4	09117116	ĐOÀN MINH	NGUYÊN	DH09CT	1		8	6,5	7,3	7,4	7	4
5	09117117	ĐINH THỊ ÁNH	NGUYỆT	DH09CT	1		5	7	7,8	7,2	7	2
6	10117135	TRẦN THỊ BÍCH	NGUYỆT	DH10CT	1		7	7	7	7,0	7	0
7	09117118	TRẦN THỊ MINH	NGUYỆT	DH09CT	1		9	6,5	7	7,4	7	4
8	10117143	NGUYỄN THỊ MỸ	NHI	DH10CT	1		9	8	5	6,1	6	1
9	10117146	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	DH10CT	1		9	8	9	8,9	8	9
10	10117148	LÊ THỊ KIỀU	NHƯ	DH10CT	1		9	7	7,5	7,8	7	8
11	09117137	HUỲNH THỊ PHI	PHỤNG	DH09CT	1		9	7	6,5	7,1	7	1
12	10117158	NGUYỄN THANH	PHƯƠNG	DH10CT	1		6	6,5	5,5	5,7	5	7
13	10117159	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	DH10CT	1		8	8,5	5,8	6,5	6	5
14	10117160	HUỲNH THỊ NGỌC	QUYÊN	DH10CT	1		9	8	8,5	8,6	8	6
15	10117161	BÙI NHƯ	QUỲNH	DH10CT	1		5	8,5	3,5	4,3	4	3
16	10117163	NGUYỄN THANH	SANG	DH10CT	1		8	6	4,8	5,6	5	6
17	10117167	DIỆP LONG	SƠN	DH10CT	1		8	8	6	6,6	6	6
18	10117170	TRẦN THỊ HỒNG	SƯƠNG	DH10CT	1		8	6,5	8,3	8,1	8	1

Số bài: 55 ; Số tờ: 55

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm